

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **206/2019/HC-PT**

Ngày 05-11-2019

“V/v Khiếu kiện Quyết định áp dụng
biện pháp khắc phục hậu quả”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 144/2017/TLPT- HC ngày 05 tháng 07 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HCST ngày 20-3-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1410/2017/QĐPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1966;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương T, sinh năm 1969;

Cùng trú tại: Tổ 12, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q.**

Địa chỉ: Số 48 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phước H1 – Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, theo Văn bản ủy quyền số 7002/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Thành L – Chức vụ: Đội phó Đội quản lý trật tự đô thị thành phố Q. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vợ chồng ông **Nguyễn M**, sinh năm 1943 – bà **Phan Thị T1**, sinh năm 1945.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 12, phường N, thành phố Q, Quảng Ngãi. Có mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HCST ngày 20-3-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nội dung vụ án như sau:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung của bà Nguyễn Thị Y, các bản tự khai và tại phiên tòa ông Lương T trình bày:

Nguyên thừa đất số 1018, tờ bản đồ số 02, diện tích 820m² có nguồn gốc do ông nội của ông Nguyễn M (Nguyễn M1) tạo lập và sử dụng làm nhà ở ổn định trước năm 1945. Sau đó, ông nội để lại cho cha ông M là ông Nguyễn M1 tiếp tục sử dụng. Sau khi cha ông M chết đã để lại cho ông M sử dụng từ trước năm 1975. Năm 1990 thực hiện dự án bến xe, mặc dù không có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền nhưng khi UBND xã N đến thỏa thuận lập biên bản đền bù hoa màu, gia đình ông M đã thống nhất nhận số tiền đền bù là 39.000 đồng bao gồm giải tỏa hàng rào và 06 bụi tre để lấy mặt bằng đổ đất (không đền bù giá trị đất).

Ngày 11/12/1993 tiếp tục thực hiện dự án bến xe, Ban quản lý công trình xí nghiệp bến xe khách phối hợp với UBND xã N lập biên bản thỏa thuận với gia đình ông M về việc đền bù nhà cửa, hoa màu với tổng diện tích 67m² (một phần nhà cửa) và 41,5m²; tổng diện tích thu hồi là 109m² và cây cối hoa màu với tổng giá trị đền bù là 8.201.160 đồng. Gia đình ông M thống nhất nhận tiền đền bù và yêu cầu UBND xã N giao đất tái định cư cho gia đình ông đối với phần diện tích đất 109m² bị thu hồi.

Năm 1994, bến xe khách đi vào hoạt động đã xây dựng tường rào công ngõ nên gia đình ông M đã xây dựng nhà ở ổn định trên phần đất còn lại nằm phía đông, ngoài tường rào của bến xe.

Ngày 31/8/1995 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UB giao 02 lô đất cho hộ gia đình ông Nguyễn M với diện tích là 200m², gia đình ông M đã nhận 02 lô đất này và phân chia cho con là Nguyễn Văn Bức và Nguyễn Văn Y1 mỗi người 01 lô. Đối với phần diện tích đất còn lại của gia đình ông M ở phía đông bến xe, gia đình ông M vẫn tiếp tục sử dụng và

nộp thuế cho nhà nước. Năm 1995, nhà nước mở đường M2 nhưng không tiến hành thu hồi đất và gia đình ông M không nhận tiền đền bù hoặc bồi thường gì. Đến năm 1999, ông M lập văn bản phân chia cho các con là Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn Y1, Nguyễn Văn B. Sau khi được cho đất, năm 2001 bà Nguyễn Thị Y đã tiến hành xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định đến nay mà không bị xử lý hành chính hay tranh chấp gì.

Ngày 16/6/2016 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành văn bản số 1965/UBND trả lời các yêu cầu giải quyết của ông M theo đơn ngày 21/3/2016 thì ông M mới biết được vào ngày 31/8/1995 UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 1316/QĐ-UB thu hồi toàn bộ diện tích đất của gia đình ông M. Ngày 26/7/2016 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 105/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng đối với bà Nguyễn Thị Y. Quyết định số 105/QĐ-KPHQ xác định bà Nguyễn Thị Y tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở và trại tạm trên phần đất do ông Nguyễn M chiếm dụng của nhà nước và buộc bà Nguyễn Thị Y phải tự tháo dỡ toàn bộ nhà ở, trại tạm trên đất không được phép xây dựng với tổng diện tích vi phạm 104,17m² là không đúng thực tế khách quan, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y. Do đó, bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 105/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 20/10/2016 và bản trình bày ý kiến bổ sung ngày 05/12/2016, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Q ông Trần Phước H1 trình bày:

Thửa số 1018, tờ bản đồ số 02, diện tích 820m² (bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg), xã N, thị xã Q của ông Nguyễn M1 và bà Nguyễn Thị Đ tạo lập sử dụng làm nhà ở ổn định từ khoảng năm 1963. Sau khi ông Nguyễn M1 chết, để lại cho vợ là Nguyễn Thị Đ và con trai Nguyễn M tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1991 đo vẽ thành lập bản đồ (được ký duyệt năm 1993) thì thửa 1018 được đo vẽ thành 02 thửa đất: Thửa số 1357, diện tích 400m² do ông Nguyễn M sử dụng và thửa số 1358, diện tích 624m² do bà Nguyễn Thị Đ sử dụng thuộc tờ bản đồ số 03, xã N, thành phố Q. Thực hiện quy hoạch phân lô trục đường TC - NB thì một phần diện tích đất của hai thửa số 1357, 1358 nằm trong đường số 04 (nay là đường M2); phần diện tích đất còn lại của thửa 1357 nằm trong một phần diện tích lô đất B148, lô B149; phần diện tích còn lại của thửa 1358 nằm trong lô đất B142, B143, B144, B145, B146, B147 và phần diện tích lô đất B148, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư Nam đường L.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính tại sổ mục kê: Thửa số 1018, tờ bản đồ số 02,

diện tích 820m², loại đất T, trang 106, quyển số 01, ghi tên chủ sử dụng đất Nguyễn Nay + Nguyễn Châu; Tại Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b): Thửa số 1018 nêu trên không ai đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg.

Ngày 10/4/1990 UBND xã N cùng với chủ hộ là ông Nguyễn M lập Biên bản đền bù hoa màu để đồ mặt bằng bến xe; hộ ông Nguyễn M thống nhất giải tỏa hàng rào và 06 bụi tre trên một phần diện tích đất của ông M để lấy mặt bằng đồ đất, tổng số tiền đền bù là 39.000 đồng. Ông M đã thống nhất ký vào biên bản và giao mặt bằng.

Ngày 14/12/1992 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UB về việc giao đất cho Ban quản lý công trình giao thông dùng xây dựng bến xe liên tỉnh với diện tích 12.832m². Ngày 11/12/1993, Ban quản lý công trình xí nghiệp bến xe khách thuộc Sở Giao thông vận tải phối hợp với UBND xã N lập Biên bản thỏa thuận số 04/BB đền bù giải phóng mặt bằng phía đông bến xe cho hộ ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Đ; hộ ông M được bồi thường tổng cộng số tiền 8.201.160 đồng; hộ bà Đ được bồi thường tổng cộng 2.348.790 đồng. Trong biên bản số 04/BB có phần cam kết của UBND xã N tạo điều kiện làm thủ tục xin cấp đất cho hộ ông M, hộ bà Đ; sau khi được UBND xã N giao đất trong vòng 10 ngày, hộ ông M, hộ bà Đ phải di chuyển ra khỏi khu vực để giao lại mặt bằng cho Ban quản lý công trình xí nghiệp bến xe khách tiến hành thi công. Ông M, bà Đ đã nhận tiền tại phiếu chi số 03, 01 lập cùng ngày 11/12/1993.

Ngày 12/3/1994 UBND xã N có Tờ trình số 07/TT-UB về việc xin cấp đất cho 03 hộ giải tỏa mặt bằng phía đông bến xe mới trong đó có: Hộ ông M 02 lô diện tích 200m², hộ bà Đ 01 lô diện tích 100m², vị trí xin cấp đất là đường tránh nam nối dài (đường NL - BL). Đến ngày 29/3/1995, hộ ông M, bà Đ có đơn xin đất làm nhà ở được UBND xã N xác nhận. Ngày 31/8/1995 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1316/QĐ-UB về việc thu hồi đất của một số công dân đang sử dụng để mở rộng bến xe liên tỉnh và xây dựng đường giao thông. Trong đó ông Nguyễn M bị thu hồi thửa đất số 1357, tờ bản đồ số 03, diện tích 400m², loại đất T; bà Nguyễn Thị Đ bị thu hồi thửa số 1358, tờ bản đồ số 03, diện tích 624m², loại đất T. Cùng ngày 31/8/1995 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UB về việc giao đất cho ông Nguyễn M để xây dựng nhà ở với diện tích là 200m² và ban hành Quyết định số 1318/QĐ-UB về việc giao đất cho bà Nguyễn Thị Đ để xây dựng nhà ở với diện tích là 100m².

Ngày 20/9/1995 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 1268/CV-UB về việc thu tiền sử dụng đất của một số hộ thuộc diện giải tỏa để xây dựng bến xe liên tỉnh với nội dung: "...việc đền bù thiệt hại về đất khi nhà nước thu hồi đất của các hộ để xây dựng bến xe liên tỉnh được thực hiện theo phương thức đổi

đất, nếu giá trị đất bị thu hồi thấp hơn giá trị đất cấp theo giá quy định hiện hành thì Sở địa chính và Cục thuế tỉnh tính toán và giải quyết cụ thể theo đúng quy định của nhà nước”.

Ngày 25/9/1995 Sở địa chính Quảng Ngãi có Công văn số 117/CV-ĐC về việc thu tiền sử dụng đất gửi Cục thuế tỉnh với nội dung: “Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Đ...hiện đang sử dụng diện tích 1.024m^2 đất ở. Ngày 31/8/1995 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1316/QĐ-UB thu hồi đất của hai hộ trên để xây dựng bến xe liên tỉnh và Quyết định số 1318/QĐ- UB ngày 31/8/1995 giao đất ở mới cho hai hộ với diện tích 300m^2 ...Sở địa chính đề nghị Cục thuế tỉnh thu khoản tiền sử dụng đất chênh lệch như sau: Giá đất ở khi bị thu hồi: vị trí 4 đường phố loại 2 là $50.000\text{đ}/\text{m}^2$: $(1024\text{m}^2 \times 50.000\text{đ}/\text{m}^2 = 51.200.000\text{đ})$; Giá đất được giao để xây dựng nhà ở: vị trí 1 đường loại 4B là $180.000\text{đ}/\text{m}^2$: $(300\text{m}^2 \times 180.000\text{đ}/\text{m}^2 = 54.000.000\text{đ})$. Như vậy, hai lô đất trên phải nộp khoản tiền chênh lệch $2.800.000\text{đ}$ vào ngân sách nhà nước”. Ông M và bà Đ đã nộp tiền sử dụng đất chênh lệch $2.800.000$ đồng vào ngân sách nhà nước tại Biên lai thu tiền số 004610 ngày 26/9/1995.

Ngày 02/3/1996 ông Nguyễn M có đơn xin hỗ trợ kinh phí di chuyển nhà ở giải tỏa phía đông bến xe khách, đến ngày 13/3/1996 Ban quản lý công trình Xí nghiệp bến xe khách xem xét và tổ chức cuộc họp thống nhất hỗ trợ thêm cho 02 hộ Nguyễn M, Nguyễn Thị Đ là $1.000.000$ đồng để các hộ di chuyển ra khỏi bến xe vì thời gian giao đất kéo dài. Ông M đã viết giấy nhận 500.000 đồng tiền hỗ trợ di chuyển nhà ở ngày 14/3/1996.

Ngày 30/7/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 491/TTg về việc giao đất để xây dựng trục đường Thành Cổ- Núi Bút tại thị xã Q, thu hồi 305.717m^2 đất tại xã N và phường Nguyễn Nghiêm thuộc thị xã Q để quy hoạch xây dựng trục đường TC - NB, trong đó có một phần diện tích đất phía đông thửa đất số 1357, 1358 của hộ ông M, bà Đ (đã bị thu hồi để thực hiện dự án bến xe liên tỉnh tại Quyết định số 1316/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi) để xây dựng tuyến đường số 04. Ngày 29/5/1999 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 998/UB về việc giải quyết thu hồi đất tại bến xe có liên quan đến dự án TC - NB, thống nhất về chủ trương thu hồi diện tích đất $2.349,9\text{m}^2$ (bao gồm cả đường số 4 và dây ki ốt) của xí nghiệp bến xe khách Quảng Ngãi để thực hiện quy hoạch chi tiết đường TC - NB đã được UBND tỉnh phê duyệt. Phần diện tích đất còn lại phía tây của hai thửa đất số 1357 và 1358 nằm trong phạm vi thu hồi giao đất tại Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện quy hoạch phân lô dây ki ốt phía tây đường số 4 thuộc dự án khu dân cư trục đường TC - NB.

Để có mặt bằng thực hiện dự án theo quy hoạch được duyệt, chủ đầu tư là Ban quản lý dự án xây dựng trục đường TC - NB đã làm việc với hộ ông M, bà Đ. Đối với hộ ông M, tại biên bản làm việc các ngày 07/7/1998, 20/8/1998 để thống nhất thời gian bàn giao mặt bằng nhưng đều không thành. Ngày 22/8/1998 Ban quản lý dự án xây dựng trục đường TC - NB tiếp tục mời gia đình ông M và các đơn vị liên quan làm việc, Ban quản lý dự án xây dựng trục đường TC - NB khẳng định: “Về đất và tài sản trên đất không được bồi thường, tái định cư vì trước đây khi giải tỏa để làm bến xe đã cấp đất và đền bù tài sản trên đất xong” và đi đến thống nhất hỗ trợ thêm cho hộ ông M số tiền 5.000.000 đồng, gia đình ông M đồng ý và viết Giấy cam kết ngày 22/8/1998 nhận 4.000.000 đồng tiền hỗ trợ dỡ dọn và cam kết đến ngày 01/9/1998 và gia hạn đến ngày 14/11/1998 sẽ bàn giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án xây dựng trục đường TC - NB để xây dựng công trình. Nhưng hộ ông M không chịu tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc có trên đất để bàn giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án. Ngày 26/10/1998 Ban quản lý dự án xây dựng trục đường TC - NB có Báo cáo số 135/BC- BQL về việc hộ ông M trong diện giải tỏa không chịu tháo dỡ nhà giao mặt bằng để thi công đường số 04 thuộc dự án TC - NB. Ngày 22/10/1999 UBND thị xã Q có Tờ trình số 37/TT-UB về việc ra quyết định tháo dỡ nhà hộ ông M được UBND tỉnh Quảng Ngãi thống nhất ban hành Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 22/02/1999 về việc tháo dỡ nhà ông Nguyễn M để xây dựng trục đường TC - NB. Sau đó gia đình ông M đã tự giác tháo dỡ nhà, vật kiến trúc có trên đất. Khi Ban quản lý dự án xây dựng trục đường TC - NB thi công đường số 4, gia đình ông M cản trở và yêu cầu phải trả 1.000.000 đồng tiền thưởng dỡ dọn nhà.

Năm 2006 bà Y xây dựng công trình nhà ở, trại tạm (thuộc hạng mục công trình khác) trên đất không được phép xây dựng với tổng diện tích vi phạm là 104,17m². Trong đó: Xây dựng trại tạm vi phạm trên đất vỉa hè đường M2 với diện tích là 40,89m²; xây dựng nhà ở vi phạm trên thửa đất số B143 và trên một phần thửa đất số B144 với diện tích là 52,83m²; xây dựng nhà ở trên đất thừa của dự án do nhà nước quản lý với diện tích 10,45m². Các hành vi trên vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý, sử dụng nhà (nay được thay thế bằng điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở) và vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định 152/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt

(nay được thay thế bằng điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt).

Ngày 26/7/2016 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 105/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng đối với bà Nguyễn Thị Y. Quyết định số 105 của Chủ tịch UBND thành phố Q là đúng pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 17/10/2016 của ông Nguyễn M, bà Phan Thị T1 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Lương T trình bày:

Nội dung Quyết định số 105/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q xác định bà Nguyễn Thị Y đã chiếm dụng diện tích đất của nhà nước và buộc bà Y phải khôi phục hiện trạng như trước khi vi phạm là không đúng thực tế khách quan, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y. Chúng tôi thống nhất với nội dung khởi kiện của bà Y.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HCST ngày 20/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y yêu cầu hủy Quyết định số 105/QĐ-KPHQ ngày 26/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng đối với bà Nguyễn Thị Y.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2017, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Y kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Hủy Quyết định số 105/QĐ-KHPQ ngày 26/7/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng đối với bà Nguyễn Thị Y.

Lý do kháng cáo: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã không xem xét toàn diện, đầy đủ các chứng cứ do người khởi kiện cung cấp, chỉ căn cứ vào lời trình bày của người bị kiện để tuyên bác yêu cầu khởi kiện, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đối với vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các qui định về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Y kháng cáo Bản án sơ thẩm nhưng không có chứng cứ gì mới, quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng của bà Nguyễn Thị Y, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lương T trình bày bà Nguyễn Thị Y đang có Đơn khiếu nại Quyết định số 1316 ngày 31/8/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất của một số hộ dân đang sử dụng để mở rộng Bến xe liên tỉnh và xây dựng đường giao thông. Do đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết khiếu nại. Đến ngày 23/8/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 4577/CV-UB với nội dung việc khiếu nại của bà Y đã được giải quyết tại Công văn số 4502/CV-UB ngày 30/7/2018 về việc trả lời cho ông Nguyễn M, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông M. Vì vậy, căn cứ vào Điều 141 và Điều 142 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tiếp tục xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Bà Nguyễn Thị Y. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Y kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm do không xem xét kỹ các chứng cứ do bà cung cấp nên quyết định của Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà là không khách quan, vô tư, làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Xét các chứng cứ bà Nguyễn Thị Y đã cung cấp ở giai đoạn xét xử sơ thẩm như: Biên bản thỏa thuận số 04/BB ngày 11-12-1993 của Ban quản lý công trình v/v đền bù giải phóng mặt bằng về nhà cửa chỉ có 109 m² và các loại cây trồng trên đất trên 70 cây các loại; hỗ trợ thêm tiền di dời, tổng cộng là: 8.201.160 đồng; Giấy xác nhận ngày 31-8-2015 của ông Lê Quảng – nguyên là Chủ tịch UBND xã N, xác nhận *“Năm 1990 đến năm 1993 UBND xã có thu hồi của hộ gia đình ông Nguyễn M một số diện tích đất vườn nhà ở để làm công trình bến xe liên tỉnh, UBND xã có làm biên bản cụ thể, phần đất còn lại ngoài qui hoạch UBND xã giao lại cho ông Nguyễn M quản lý và sử dụng ổn định cuộc sống...”*

[3] Qua xem xét các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Thực hiện dự án đền bù để mở rộng bến xe khách Quảng Ngãi, ngày 10/4/1990 UBND xã N cùng với ông Nguyễn M lập biên bản đền bù hoa màu. Ông M thống nhất giải tỏa hàng rào và 06 bụi tre trên diện tích đất của ông, tổng số tiền đền bù là 39.000 đồng (số tiền này ông M khai đã nhận đủ). Ông M đã thống nhất ký vào biên bản và bàn giao mặt bằng. Ngày 11-12-1993 hộ ông Nguyễn M được thỏa thuận đền bù nhà cửa, bếp, hoa màu và hỗ trợ việc di chuyển với số tiền là 8.201.160 đồng (ông M đã ký nhận tại Phiếu chi số 03 ngày 11-12-1993). Nhưng sau đó, đến ngày 31-8-1995 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1316/QĐ-UB về việc thu hồi đất của một số công dân đang sử dụng để mở rộng bến xe liên tỉnh và xây dựng đường giao thông. Trong đó, thu hồi đất của ông M diện tích 400m²; thu hồi của bà Nguyễn Thị Đ diện tích 624m². Đồng thời UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UB ngày 31/8/1995 về việc giao đất cho ông Nguyễn M để xây dựng nhà ở với diện tích 200m². Ông M đã nhận 200m² và ông đã cho các con của ông sử dụng. Bà Nguyễn Thị Đ cũng được Nhà nước giao 100m² đất để làm nhà ở. Như vậy, Nhà nước đã thu hồi đất của ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Đ tổng cộng là 1.024m² và giao đất ở mới cho hai hộ là 300m². Giá đất bị thu hồi ở vị trí 4, đường phố loại 2 là 50.000đ/m² (1024m² x 50.000đ/m² = 51.200.000đ). Giá đất ở được giao ở vị trí 1 đường loại 4B là 180.000đ/m² (300m² x 180.000đ/m² = 54.000.000đ). Nên hai hộ phải nộp tiền chênh lệch là 2.800.000 đồng vào ngân sách Nhà nước. Ông M đã nộp số tiền này tại Biên lai thu tiền ngày 26/9/1995 chứng tỏ là đã biết toàn bộ diện tích của hộ ông và bà Đ là 1.024m² đã bị thu hồi. Ngày 14/3/1996 ông Nguyễn M viết giấy nhận 500.000đồng tiền hỗ trợ thêm về di chuyển nhà ở. Ngày 22/8/1998 gia đình

ông Nguyễn M viết giấy cam kết đã nhận đủ 4.000.000 đồng tiền dỡ dọn, di chuyển và hẹn đến ngày 01/9/1998 sẽ dỡ dọn xong mọi vật có trên đất để giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án công trình.

[4] Như vậy, hộ của ông Nguyễn M bị thu hồi 400m² đất được Nhà nước giao lại 200m² để xây dựng nhà ở, được đền bù thiệt hại về tài sản có trên đất bị thu hồi và các khoản hỗ trợ về dỡ dọn, di chuyển nhà ở đúng quy định pháp luật, quyền lợi của gia đình ông Nguyễn M được đảm bảo khi Nhà nước thu hồi đất. Nhưng hộ ông Nguyễn M không chịu tháo dỡ nhà, vật kiến trúc có trên đất để giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án. Đến ngày 09/12/1999 ông Nguyễn M lập bản phân chia đất cho các con của ông (trong đó có chia cho bà Y 50m²) là trái pháp luật. Hiện nay, tại các thửa số B143, B144, B145, B146, B147, B148, B149 bị hộ ông Nguyễn M và các con của ông M (trong đó có bà Nguyễn Thị Y) chiếm dụng. Bà Y xây dựng công trình trái phép với tổng diện tích 104,17m². Chính quyền địa phương đã nhiều lần làm việc và yêu cầu gia đình bà Y tự tháo dỡ công trình xây dựng trái phép. Nhưng gia đình bà Y không chịu tháo dỡ nhà đã xây dựng vi phạm pháp luật. Do đó, ngày 26/7/2016 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 105/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng đối với bà Nguyễn Thị Y. Quyết định trên của Chủ tịch UBND thành phố Q là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Y kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là phù hợp cần chấp nhận, bác yêu cầu kháng cáo của bà Y, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002917 ngày 03-10-2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000158 ngày 20-4-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội

đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Y.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y yêu cầu hủy Quyết định số 105/QĐ-KPHQ ngày 26-7-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng đối với bà Nguyễn Thị Y.

3. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002917 ngày 03-10-2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000158 ngày 20-4-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông